TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/DS-PT.
Ngày: 04/10/2019
V/v:"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Đình Hưng- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Ngày 04/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2019/TLPT- DS ngày 02/10/2019 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số46/2019/DS-ST ngày 21/8/2019của Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2019/QĐ-PT ngày 24/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn B (tức Phan Thanh B), sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Số nhà 56, đường Quang Tr, phường Trần Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Văn B: Luật sư Hoàng Thị Bích L - Văn phòng Luật sư Hoàng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

Đồng Bị đơn:

1. Ông Lê Kim L, sinh năm 1950, (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1952, vợ ông L, (vắng mặt).

Đều có nơi cư trú: Số nhà 04, ngách 15, ngõ 15, tổ dân phố H, phường Thọ X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Hải Y (tức Lê Thị H), sinh năm 1964, vợ ông B, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 56, đường Quang Tr, phường Trần Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng: Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1962, con ông L, có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 04, ngách 15, ngõ 15, tổ dân phố H, phường Thọ X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Phan Văn B (Phan Thanh B) đã trình bày: Do mối quan hệ quen biết vợ chồng ông Lê Kim L, bà Nguyễn Thị Th nên ngày 11/9/2016, ông đã cho vợ chồng ông L, bà Th vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày. Vợ chồng ông L, bà Th đã thế chấp cho ông Giấy chứng nhận QSDĐ số CA 736470 mang tên ông L và bà Th (do UBND thành phố B cấp ngày 24/9/2015) để làm tin và để đảm bảo cho việc thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi suất cho ông. Giấy vay tiền do anh Lê Hoàng V là con trai ông L và bà Th viết, ông đã giao tiền mặt cho ông L và bà Th. Vợ chồng ông L, bà Th đã ký vào Giấy vay tiền dưới mục "Người vay tiền" và trả cho ông được 3 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông L, bà Th không trả tiền cho ông nữa. Nay, ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà Th phải trả cho ông số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 11/10/2016 đến nay theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định (9%/năm tức là 0,75%/tháng) và trừ đi số tiền lãi đã trả, cụ thể số tiền lãi ông yêu cầu là: 300.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 34 tháng – 13.500.000 đồng = 63.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Lê Kim L và bà Nguyễn Thị Th đều trình bày: Ông, bà thừa nhận ngày 11/9/2016 ông bà đã ký Giấy vay của ông Phan Văn B số tiền 300.000.000 đồng, mục đích là để cho con trai ông là anh Lê Hoàng V sử dụng. Khi vay, vợ chồng ông đã thế chấp cho ông B 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số CA 736470 mang tên vợ chồng ông bà để làm tin. Nay, ông B khởi kiện yêu cầu ông

bà trả tiền gốc và tiền lãi cho ông B thì vợ chồng ông bà không đồng ý vì ông B phải khởi kiện đòi tiền anh V. Vợ chồng ông bà không có trách nhiệm trả tiền cho ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thu H (tức Lê Hải Y) đã trình bày: Bà là vợ ông Phan Văn B (Phan Thanh B). Bà không có quan hệ gì với vợ chồng ông Lê Kim L và bà Nguyễn Thị Th. Việc ông L, bà Th có vay tiền của vợ chồng bà và đã thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông L, bà Th để đảm bảo cho khoản vay tiền thì bà có biết. Nay, bà ủy quyền cho ông B tham gia tố tụng tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tìm gặp người làm chứng là anh Lê Hoàng V (con trai của ông L và bà Th) để xác minh làm rõ sự việc nhưng không gặp được anh V.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 21/8/2019 của Toà án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội xử: Buộc ông Lê Kim L và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn B (Phan Thanh B) và bà Lê Hải Y (tức Lê Thu H) tổng số tiền gốc và tiền lãi là 363.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 63.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Do ông Lê Kim L vắng mặt không tham gia xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2019, ông L đã nhận bản án sơ thẩm. Ngày 10/9/2019, ông L nộp kháng cáo không đồng ý về việc trả tiền cho ông B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan Văn B (Phan Thanh B) không rút đơn khởi kiện; bị đơn là ông Lê Kim L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Lê Kim L trình bầy: Ông thừa nhận ngày 11/9/2016 vợ chồng ông bà đã ký Giấy vay của ông Phan Văn B số tiền 300.000.000 đồng có mục đích là để cho con trai ông là anh Lê Hoàng V sử dụng. Khi vay, vợ chồng ông đã thế chấp cho ông B 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số CA 736470 mang tên vợ chồng ông bà để làm tin. Nay, ông B khởi kiện yêu cầu ông bà trả tiền gốc và tiền lãi cho ông B thì ông không đồng ý vì ông B phải khởi kiện đòi tiền anh V. Vợ chồng ông bà

không có trách nhiệm trả tiền cho ông B. Ông L đã xuất trình bản phô tô Giấy vay nợ cho Tòa án. Tại phần cuối của Giấy phô tô là chữ viết phô tô có chữ ký Phan Thanh B dưới mục "Người cho vay tiền" có nội dung: "H1 và V là người vay tôi 4,5 lần; đến ngày 11/11/2016 V đã trả 2 tháng lãi. Đến 4/12/2016, tôi đến hỏi tiền H1, H1 khất….Tôi hẹn đến ngày 28/12/2016 trả tôi trước 100 triệu để tôi trả người mà tôi lấy tiền vay hộ có V biết. Đến nay vẫn chưa trả tôi tiền gốc và tiền lãi của tháng 12/2016…". Theo ông L thì việc ông B đã ký thừa nhận có nội dung là ông B đã cho anh V vay tiền mà không phải là vợ chồng ông bà.

- Anh Lê Hoàng V trình bầy: Anh có nguyện vọng vay tiền của ông B để kinh doanh, nhưng ông B đã nói là phải có thế chấp sổ đỏ thì ông B mới đồng ý cho anh vay tiền. Anh đã yêu cầu bố mẹ anh ký vào Giấy vay tiền của ông B và thế chấp sổ đỏ của bố mẹ anh cho ông B để anh vay ông B số tiền 300.000.000 đồng. Nay gặp khó khăn trong kinh doanh, anh chưa có tiền để trả ngay cho ông B. Anh đề nghị xin được trả dần tiền cho ông B.

- Ông Phan Văn B (Phan Thanh B) trình bày: Ông không nhất trí với nội dung kháng cáo của ông L. Vợ chồng ông L đã ký vào Giấy vay tiền nên trách nhiệm trả nợ thuộc về vợ chồng ông L. Ông thừa nhận, anh V và chị Hải (con của ông L) đã vay tiền của ông một vài lần nhưng những khoản tiền này không liên quan đến Giấy vay nợ mà ông đã khởi kiện đòi vợ chồng ông L. Hơn nữa, việc ông L không xuất trình được bản gốc có nội dung ông đã cho anh V vay tiền mà đã xuất trình bản phô tô chứng tỏ: Ông L đã cắt ghép các văn bản có nội dung khác nhau để phô tô lại nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Anh V có đề nghị trả dần tiền cho ông thay cho vợ chồng ông L thì ông không đồng ý.

- Luật sư Hoàng Thị Bích L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Văn B đã phát biểu: Vợ chồng ông L, bà Th ký vào Giấy vay tiền của ông B dưới mục "Người vay" nên vợ chồng ông L, bà Th phải có trách nhiệm trả tiền cho ông B. Việc vợ chồng ông L vay tiền sau đó mang về cho anh V là con trai của ông L, bà Th sử dụng là 01 quan hệ dân sự khác. Nay, vợ chồng ông L cho rằng anh V là người phải có trách nhiệm trả tiền cho ông B và anh V cũng đồng ý trả dần tiền cho ông B nhưng ông B đã không đồng ý. Việc bàn giao nghĩa vụ trả nợ giữa các bên phải được sự đồng ý của người có quyền (là ông B) mà không phải là sự đồng ý của người có nghĩa vụ (là vợ chồng ông L). Vợ chồng ông L có quyền yêu cầu anh V trả tiền cho vợ chồng ông L đối với số tiền trên bằng 1 vụ án khác

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Phan Văn B (Phan Thanh B) xuất trình Giấy vay tiền đề ngày 11/9/2016 có nội dung: "Tôi là Lê Kim L, bà Nguyễn Thị Th có địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Thọ X, thành phố B vay của ông Phan Văn B 300.000.000 đồng. Tôi có thế chấp thửa đất số 157, tờ bản đố số 22, diện tích đất là 456m^2 tại tổ dân phố H, phường Thọ X, thành phố B; Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên vợ tôi là Nguyễn Thị Th.

Tôi là Lê Hoàng V là con trai của ông L và bà Th viết giấy này thay cho bố mẹ tôi để mượn tiền ông Bình.

Số tiền trên tôi đã nhận đủ, vay trong thời gian 30 ngày kể từ ngày 11/9/2016".

Ông L, bà Bình đã ký tên dưới mục "Người vay"; anh V đã ký tên dưới mục "Người viết giấy".

Ông B đã trình bầy: Vợ chồng ông L, bà Th đã trả cho ông B được 3 tháng lãi với tổng số tiền lãi là 13.500.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông L, bà Th không trả tiền cho ông B nữa. Nay, ông B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà Th phải trả cho ông số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 11/10/2016 đến nay theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng nhưng khấu trừ đi số tiền lãi mà vợ chồng ông L đã trả cho ông là 13.500.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và buộc vợ chồng ông L, bà Th phải trả cho ông B số tiền gốc và tiền lãi là 363.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền cho ông B vì lý do vợ chồng ông L không được sử dụng số tiền 300.000.000 đồng mà người sử dụng tiền là anh Lê Hoàng V (con trai của ông L).

Ông L xuất trình bản phô tô Giấy vay nợ cho Tòa án. Tại phần cuối của Giấy phô tô có chữ viết phô tô và có chữ ký Phan Thanh B dưới mục "Người cho vay tiền" có nội dung: "H1 và V là người vay tôi 4,5 lần; đến ngày 11/11/2016 V đã trả 2 tháng lãi. Đến 4/12/2016, tôi đến hỏi tiền H1, H1 khất….Tôi hẹn đến ngày 28/12/2016 trả tôi trước 100 triệu để tôi trả người mà tôi lấy tiền vay hộ có V biết. Đến nay vẫn chưa trả tôi tiền gốc và tiền lãi của tháng 12/2016…".

Theo ông L thì người có trách nhiệm trả tiền cho ông B là anh V mà không phải là vợ chồng ông L.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Kim L về việc không đồng ý trả tiền cho ông B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy biên nhận phô tô do ông L xuất trình không có nội dung thể hiện ông B đã cho anh V vay số tiền 300.000.000đ theo Giấy vay ngày 11/9/2016. Hơn nữa, đây là chứng cứ phô tô nên cũng không có giá trị pháp lý.

Vợ chồng ông L, bà Th đã thừa nhận chữ ký của mình trong Giấy vay tiền đề ngày 11/9/2016; ông L, bà Th lại xác định người được sử dụng số tiền 300.000.000 đồng của ông B theo Giấy biên nhận vay tiền là anh Lê Hoàng V là con trai của ông L, bà Th nên thuộc về trách nhiệm của anh V.

Nhưng vợ chồng ông L, bà Th đã ký tên dưới mục "Người vay tiền" trong Giấy biên nhận nên phải xác định chủ thể vay tiền là vợ chồng ông L, bà Th mà không phải là anh V.

Như vậy, giữa ông B và vợ chồng ông L đã giao kết 1 Hợp đồng vay tài sản có lãi và có thời hạn trả nợ được quy định tại khoản 2 Điều 478 BLDS năm 2005. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông B không trả tiền cho ông B, ông B khởi kiện đòi tiền vợ chồng ông L. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc vợ chồng ông L phải trả tiền gốc và tiền lãi cho ông B là đúng quy định tại khoản 5 Điều 474 BLDS năm 2005 nay là khoản 5 Điều 466 BLDS năm 2015.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 370 BLDS đã quy định về chuyển giao nghĩa vụ như sau: "Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ".

Việc vợ chồng ông L và anh V đồng ý để anh V trả tiền cho ông B thay cho vợ chồng ông L nhưng không được ông B đồng ý.

Do vậy, kháng cáo của ông L là không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội xử:

Buộc ông Lê Kim L và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn B (Phan Thanh B) và bà Lê Hải Y (tức Lê Thu H) tổng số tiền gốc và tiền lãi là 363.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 63.000.000 đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L không phải chịu án phí DSST và DSPT:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân thành phố B;
-Chi cục THADS thành phố B;
-Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

-Lưu HS; VP.

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền